

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 556/2024/DS-PT
Ngày 30-10-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tông

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2024/TLPT-DS ngày 01/10/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4052/2024/QĐ-PT ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Hồ Thị P, sinh năm 1947

Địa chỉ: Số nhà I, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.2. Chị Ngô Hồng Như N, sinh năm 1996

1.3. Chị Ngô Hồng Ngọc N2, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh N1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Dương Thị Diễm H, sinh năm 1996

2.2. Ông Dương Văn Q, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/3/2022 âm lịch (nhằm ngày 22/4/2022 dương lịch) bà Đặng Thị Hồng H1 có cho chị Dương Thị Diễm H vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình. Hai bên có viết giấy mượn tiền. Đến nay đã quá thời hạn trả nhưng chị H, ông Q không có thiện chí trả số tiền vay và lãi.

Sau khi kiểm tra các tài liệu là sao kê giao dịch chuyển tiền giữa chị H với bà H1 do chị H giao nộp, nguyên đơn xác định chị H chỉ trả tiền điện và tiền lãi của số tiền nợ của khoản vay khác nên nguyên đơn không đồng ý cắt trừ vào số tiền đã vay. Do chị H, ông Q chưa trả nợ gốc nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H và ông Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 800.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày thụ lý vụ án là ngày 26/01/2024 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Dương Văn Q trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền mà con của ông là chị Dương Thị Diễm H vay của bà H1 không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Dương Thị Diễm H trình bày:

Ngày 20/4/2022 dương lịch (nhằm ngày 22/3/2022 âm lịch) chị có vay của bà Đặng Thị Hồng H1 số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Cùng ngày 20/4/2022, chị đã chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng N3 của chị số tài khoản 900000789 sang tài khoản Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001. Chị còn nợ bà H1 số tiền 700.000.000 đồng.

Ngày 30/5/2022 (dương lịch), chị chuyển trả số tiền 40.000.000 đồng cho bà H1 từ Ngân hàng A của chị số tài khoản 7105205145633 sang Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001, chị còn nợ bà H1 số tiền 660.000.000 đồng.

Ngày 09/6/2022 (dương lịch), chị chuyển trả tiếp số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng N3 của chị số tài khoản 900000789 sang tài khoản Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001. Chị còn nợ bà H1 số tiền 560.000.000 đồng.

Sau đó, chị có gửi số tiền 40.000.000 đồng tiền lãi cho em của bà H1, người nhận là ông Đặng Thanh V1. Một tháng sau, bà H1 đòi tiền, chị chưa có nên gửi tạm bà H1 45.000.000 đồng tiền lãi, người nhận là ông Ngô Đức T (chồng sau của bà H1), do bà H1 trị bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh nên chị không lấy được giấy.

Ngày 23/8/2022 (dương lịch), chị chuyển 71.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng N3 của chị số tài khoản 900000789 sang tài khoản Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001. Trong đó, có 45.000.000 đồng tiền lãi và 26.000.000 đồng tiền điện.

Ngày 17/9/2022 (dương lịch), chị chuyển 206.932.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng N3 của chị số tài khoản 900000789 sang tài khoản Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001. Trong đó, có 150.000.000 đồng tiền gốc, 5.700.000 đồng tiền lãi và 50.700.000 đồng tiền điện. Chị còn nợ bà H1 số tiền 410.000.000 đồng.

Ngày 07/11/2022 (dương lịch), chị có trả thêm bà H1 số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc từ tài khoản Ngân hàng N3 của chị số tài khoản 900000789 sang tài khoản Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001. Số tiền chị còn nợ bà H1 là 350.000.000 đồng.

Ngày 21/11/2022 (dương lịch), chị tiếp tục chuyển từ Ngân hàng A của chị số tài khoản 7105205145633 sang Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001 số tiền 27.964.000 đồng. Trong đó, 20.000.000 đồng tiền gốc và 7.964.000 đồng tiền lãi. Số tiền chị còn nợ bà H1 330.000.000 đồng.

Ngày 10/12/2022 (dương lịch), chị có chuyển trả số tiền gốc 40.000.000 đồng cho bà H1 chuyển từ Ngân hàng A của chị số tài khoản 7105205145633 sang Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001. Chị còn nợ bà H1 số tiền 290.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2023 (dương lịch), chị có chuyển trả số tiền gốc 50.000.000 đồng cho bà H1 chuyển từ Ngân hàng A của chị Dương Thị Diễm H số tài khoản 7105205145633 sang Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001. Chị còn nợ bà H1 số tiền là 240.000.000 đồng.

Ngày 23/02/2023 (dương lịch), chị chuyển số tiền lãi 68.600.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng N3 của chị số tài khoản 900000789 sang tài khoản Ngân hàng L của bà Đặng Thị Hồng H1 số tài khoản 023851880001.

Tổng cộng, chị đã trả cho bà H1 được số tiền 560.000.000 đồng tiền gốc và 188.664.000 đồng tiền lãi (kèm theo bản sao kê chuyển tiền).

Chị xác định còn nợ lại bà H1 số tiền là 240.000.000 đồng, chị đồng ý có nghĩa vụ liên đới với ông Dương Văn Q trả số tiền 240.000.000 đồng và tiền lãi với mức 0,83%/tháng nhưng xin trả dần trong 06 tháng, mỗi tháng trả 40.000.000 đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án

nhân dân huyện Thanh Phú đã áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 26, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 đối với chị Dương Thị Diễm H và ông Dương Văn Q.

Buộc chị Dương Thị Diễm H và ông Dương Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 số tiền 252.815.200đ (Hai trăm năm mươi hai triệu tám trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 đối với chị Dương Thị Diễm H, ông Dương Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 590.049.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/8/2024, nguyên đơn bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị N1 trình bày: Các sao kê giao dịch chuyển tiền giữa chị H với bà H1 do chị H cung cấp không liên quan đến khoản vay đang tranh chấp mà là tiền lãi của khoản vay 1.600.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 14 tháng Giêng năm 2022 có giấy xác nhận ngày 28/10/2024 của ông Đặng Thanh V1 kèm theo. Ngoài ra, số tiền 100.000.000 đồng theo sao kê ngày 20/4/2022 là trước ngày vay tiền nên không được căn trừ vào số tiền vay 800.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bà V trình bày: Theo giấy mượn tiền ngày 14 tháng Giêng năm 2022 do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Dương Văn Q là người mượn tiền của ông Đặng Thanh V1, trong khi đó các sao kê do chị H nộp có người chuyển tiền là chị H, người nhận tiền là bà H1 nên đây là hai giao dịch khác nhau. Do đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng chị H chuyển cho bà H1 theo các giấy sao kê là trả tiền lãi cho khoản vay 1.600.000.000 đồng ngày 14 tháng Giêng năm 2022 là không có căn cứ. Đối với số tiền 100.000.000 đồng chuyển trước ngày vay là do thực tế hai bên đã giao dịch trước ngày ký giấy vay tiền. Kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã

tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng số tiền mà chị H chuyển trả cho bà H1 là tiền lãi của khoản vay 1.600.000.000 đồng, nhưng giấy mượn tiền là giữa ông Q với ông V1 nên đây là hai khoản vay khác nhau, trình bày này của nguyên đơn là không có căn cứ. Tuy nhiên, theo giấy sao kê thì số tiền 100.000.000 đồng chuyển ngày 20/4/2022 là trước ngày vay nên không được tính vào số tiền đã trả của khoản vay 800.000.000 đồng, cấp sơ thẩm trừ số tiền này vào nợ gốc là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2, sửa Bản án sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 340.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn căn cứ giấy mượn tiền ngày 22 tháng 3 năm 2022 âm lịch (nhằm ngày 22 tháng 4 năm 2022 dương lịch) yêu cầu bị đơn chị Dương Thị Diễm H, ông Dương Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vay 800.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày khởi kiện đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng. Trong khi đó, bị đơn cho rằng sau khi vay tiền thì chị H đã nhiều lần trả tiền lãi, tiền gốc cho bà H1 thông qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản của chị H đến tài khoản của bà H1, hiện tại chỉ còn nợ lại số tiền 240.000.000 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý liên đới trả số tiền 240.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng.

[2] Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng số tiền theo các giấy sao kê tài khoản giao dịch giữa chị H với bà H1 là tiền điện và tiền lãi của khoản vay khác, đối với số tiền vay 800.000.000 đồng thì bị đơn chưa trả tiền gốc. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa chị H, ông Q với bà H1 có khoản vay khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền ngày 14 tháng Giêng năm 2022 có nội dung ông Dương Văn Q có mượn của ông Đặng Thanh V1 số tiền 1.600.000.000 đồng và giấy xác nhận ngày 28/10/2024 của ông Đặng Thanh V1, theo đó ông V1 cho rằng số tiền 1.600.000.000 đồng theo giấy mượn tiền nêu trên là của bà H1, ông V1 chỉ là người giao tiền thay cho bà H1. Từ đó, nguyên đơn cho rằng số tiền mà chị H chuyển cho bà H1 là để trả lãi cho khoản vay này, không liên quan đến khoản vay 800.000.000 đồng đang tranh chấp. Tuy nhiên, theo các giấy sao kê thì người chuyển tiền là chị H, người nhận tiền là bà H1, trong khi đó người giao dịch theo

giấy mượn tiền ngày 14 tháng Giêng năm 2022 là ông Q và ông V1 nên chứng cứ mới này không đủ cơ sở để chứng minh khoản tiền mà chị H chuyển cho bà H1 là tiền lãi của khoản vay 1.600.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào các bảng sao kê để trừ số tiền đã chuyển cho bà H1 và số tiền gốc là có cơ sở.

Căn cứ sao kê chuyển khoản ngày 20/4/2022 thì chị H đã chuyển cho bà H1 số tiền 100.000.000 đồng, giao dịch này được thực hiện trước ngày vay là ngày 22/4/2022. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng thực tế hai bên đã giao nhận tiền trước ngày 22/4/2022 nên số tiền 100.000.000 đồng nêu trên là tiền trả nợ gốc của khoản vay 800.000.000 đồng. Trình bày này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định số tiền này không phải chuyển trả cho số tiền vay 800.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn trừ số tiền này vào số tiền gốc là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, kháng cáo của nguyên đơn đối với phần này là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với các lần chuyển khoản khác, nguyên đơn không chứng minh được bị đơn chuyển khoản để trả lãi cho khoản vay khác nên được xem là trả lãi, gốc cho khoản vay 800.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền bị đơn còn có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn là 340.000.000 đồng tiền gốc (800.000.000 đồng nợ gốc - 460.000.000 đồng đã trả) và tiền lãi 18.154.866 đồng (340.000.000 đồng tiền gốc x 06 tháng 13 ngày x 0,83%/tháng), tổng cộng là 358.154.866 đồng.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc căn trừ số tiền đã trả của bị đơn vào số tiền nợ gốc, kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ một phần nên được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, buộc chị H, ông Q có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 358.154.866 đồng.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí được điều chỉnh tương ứng, cụ thể:

Buộc chị Dương Thị Diễm H, ông Dương Văn Q có nghĩa vụ liên đới chịu 17.907.000 đồng (5% của số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn).

Buộc bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 có nghĩa vụ liên đới chịu 23.382.400 đồng. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Do đó, buộc chị N và chị N2 có nghĩa vụ liên đới chịu 15.588.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003571 ngày 23/01/2024. Như vậy, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 còn phải liên đới nộp số tiền 3.588.000 đồng.

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2;

Sửa Bản án sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 26, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 đối với chị Dương Thị Diễm H và ông Dương Văn Q.

Buộc chị Dương Thị Diễm H và ông Dương Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 số tiền 358.154.866đ (Ba trăm năm mươi tám triệu một trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 đối với chị Dương Thị Diễm H, ông Dương Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 484.562.467đ (Bốn trăm tám mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc chị Dương Thị Diễm H, ông Dương Văn Q có nghĩa vụ liên đới chịu 17.907.000đ (Mười bảy triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Buộc chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 có nghĩa vụ liên đới chịu 15.588.000đ (Mười lăm triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003571 ngày 23/01/2024. Như vậy, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 còn phải liên đới nộp số tiền

3.588.000đ (Ba triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

[3.2] Án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N2 số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001521 và 0001522 cùng ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng